TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM THUẬN BẮC** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/DS-ST
Ngày: 24/12/2021
V/v: "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Thanh Sơn

- Bà Trần Thị Kim Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sáu - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2021/TLST-DS ngày 02/6/2021, về việc: "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2021/QĐXXST-DS ngày 25/10/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2021/QĐST-DS ngày 25/11/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Ngọc T, S năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: khu phố P, thị trấn L, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: - Bà Phạm Thị Q, S năm 1950 (vắng mặt)

- Ông Võ Hồng T, S năm 1983 (có mặt)

Cùng địa chỉ: khu phố P, thị trấn L, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Huỳnh Ngọc S, S năm 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn T, xã X, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

- Ông Huỳnh Ngọc L, S năm 1971 (vắng mặt)

- Ông Huỳnh Ngọc T, S năm 1974 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: khu phố P, thị trấn L, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Ngọc S, ông Huỳnh Ngọc L, ông Huỳnh Ngọc T: Bà Huỳnh Thị Ngọc T, S năm 1976; địa chỉ: khu phố P, thị

trấn L, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Theo giấy ủy quyền được công chứng ngày 15/6/2021.

- Bà Nguyễn Thị Trà M, S năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố P, thị trấn L, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 4 năm 2021, cũng như lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc T trình bày:

Do quen biết nên ngày 23/6/2017 âm lịch (tức ngày 16/7/2017 dương lịch) cụ Huỳnh Ngọc A và cụ Võ Thị Clà cha mẹ của bà Huỳnh Thị Ngọc T, ông Huỳnh Ngọc S, ông Huỳnh Ngọc L và ông Huỳnh Ngọc T có cho bà Phạm Thị Q cùng con trai tên Võ Hồng T mượn số tiền 60.000.000đồng. Khi mượn tiền các bên có lập giấy mượn, thỏa thuận thời hạn mượn sáu tháng, lãi suất 1%/tháng và ông T đã trả lãi được mấy tháng, mỗi tháng trả 600.000đồng tiền lãi thì tháng 11/2018 cụ A chết. Từ khi cụ A chết thì cụ Ckhông lấy lãi nữa mà chỉ yêu cầu bà Q và ông T trả tiền gốc nhưng bà Q, ông T vẫn không trả. Tháng 12/2019 cụ Cchết, do cả hai cụ A và cụ Cchết không để lại di chúc nên nguyên đơn đại diện cho hàng thừa kế thứ nhất khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị Q và ông Võ Hồng T có trách nhiệm liên đới trả số tiền 60.000.000đồng cho cha mẹ bà. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn bà Phạm Thị Q trình bày: Ngày 23/6/2017 (âm lịch) bà và con trai tên Võ Hồng T có mượn của vợ chồng ông Huỳnh Ngọc A và bà Võ Thị Csố tiền 60.000.000đồng, thời hạn vay sáu tháng, lãi suất 1%/tháng. Trên giấy mượn tiền thể hiện bà và con trai tên Võ Hồng T đứng tên mượn nhưng thực tế chỉ có ông T sử dụng số tiền 60.000.000đồng. Đến hạn trả nợ nhưng không có tiền trả nên tháng 6/2020 bà T làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc yêu cầu bà và ông T trả 60.000.000đồng cho cha mẹ bà T nhưng hai bên đã thỏa thuận được việc trả nợ, ông T và con dâu bà tên Nguyễn Thị Trà M đã trả được 20.000.000đồng. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà và ông T trả 60.000.000đồng, bà không đồng ý, bà chỉ thừa nhận còn nợ 40.000.000đồng.

Bị đơn ông Võ Hồng T trình bày: Năm 2017, ông và mẹ ông tên Phạm Thị Q có mượn của cụ Huỳnh Ngọc A và cụ Võ Thị Chai lần tiền, lần thứ nhất mượn 30.000.000đồng không viết giấy mượn, lần thứ hai mượn tiếp 30.000.000đồng vào ngày 23/6/2017 âm lịch (tức ngày 16/7/2017 dương lịch) thì mới lập giấy mượn gộp số tiền mượn của hai lần lại ghi thành giấy mượn tiền với số tiền 60.000.000đồng, thời hạn mượn sáu tháng, lãi suất 1%/tháng và chữ ký trong

giấy mượn tiền đúng là của ông và mẹ ông tên Phạm Thị Q. Mặc dù giấy mượn tiền thể hiện ông và mẹ ông đứng tên mượn tiền nhưng thực tế số tiền này là do một mình ông sử dụng để trả tiền công cho công nhân xây dựng vì ông là thầu xây dựng, số tiền còn lại ông mua lặt vặt cho bản thân ông, mục đích bà Q đứng tên trên giấy mượn tiền là để cụ A, cụ Ctin tưởng giữa người lớn với nhau mà cho mượn tiền. Từ ngày mượn tiền, ông trả lãi mỗi tháng 3.600.000đồng cho cụ Cvà ông trả được một năm thì không trả lãi nữa. Nay cụ A, cụ Cchết, bà T đại diện cho hàng thừa kế thứ nhất khởi kiện yêu cầu ông và bà Q trả số tiền 60.000.000đồng, ông không đồng ý, ông chỉ thừa nhận còn nợ 40.000.000đồng. Bởi vì, tháng 6/2020 bà T có làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc yêu cầu ông và mẹ ông trả 60.000.000đồng nhưng hai bên đã thỏa thuận được việc trả nợ nên bà T rút đơn khởi kiện thì sau đó ông đã trả cho bà T được bốn lần, mỗi lần 5.000.000đồng tại nhà bà T (ông trả 03 lần và vợ ông bà Nguyễn Thị Trà M trả 01 lần), mỗi lần trả đều có ghi ngày tháng năm trả, số tiền trả và ký tên người trả phía sau giấy thỏa thuận, giấy này chỉ lập một bản và bà T là người giữ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Ngọc S, ông Huỳnh Ngọc L, ông Huỳnh Ngọc T trình bày: Các ông thống nhất lời trình bày của bà T, yêu cầu bà Phạm Thị Q và ông Võ Hồng T có trách nhiệm trả số tiền 60.000.000đồng cho cha mẹ các ông. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Trà M: Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, hết thời hạn pháp luật quy định bà M không có văn bản trả lời về vụ kiện nên hồ sơ không có bản khai của bà Nguyễn Thị Trà M.

Bị đơn bà Phạm Thị Q, ông Võ Hồng T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Trà M vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Q, ông T và bà M đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 207 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Bà Huỳnh Thị Ngọc T là nguyên đơn và là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Ngọc S, ông Huỳnh Ngọc L, ông Huỳnh Ngọc T vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu bà Phạm Thị Q và ông Võ Hồng T trả số tiền 60.000.000đồng cho cụ A và cụ Chanh. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Ông Võ Hồng T chỉ thừa nhận còn nợ 40.000.000đồng tiền gốc.

- Bà Phạm Thị Q và bà Nguyễn Thị Trà M vắng mặt nên không có ý kiến.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc phát biểu ý kiến:

Về tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Quá trình từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn đã thực hiện đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía bị đơn không thực hiện đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc T. Buộc bà Phạm Thị Q, ông Võ Hồng T có trách nhiệm liên đới trả cho cụ Huỳnh Ngọc A, cụ Võ Thị Csố tiền 60.000.000đồng do bà Huỳnh Thị Ngọc T, ông Huỳnh Ngọc S, ông Huỳnh Ngọc L, ông Huỳnh Ngọc T thuộc hàng thừa kế thứ nhất nhận. Về án phí dân sự sơ thẩm, buộc bà Q và ông T có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Ngọc S, ông Huỳnh Ngọc L, ông Huỳnh Ngọc T yêu cầu bị đơn bà Phạm Thị Q, ông Võ Hồng T phải trả số tiền mà cha mẹ nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn đã cho mượn. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn có địa chỉ tại khu phố P, thị trấn L, huyện H, tỉnh Bình Thuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận được pháp luật quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Phạm Thị Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Trà M đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn bà Phạm Thị Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Trà M.

[3] Về nội dung: Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc T yêu cầu bị đơn bà Phạm Thị Q và ông Võ Hồng T trả cho cha mẹ bà là cụ

Huỳnh Ngọc A và cụ Võ Thị Csố tiền 60.000.000đồng. Bị đơn thừa nhận có mượn 60.000.000đồng nhưng đã trả 20.000.000đồng, hiện chỉ còn nợ lại 40.000.000đồng. Xét thấy, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, nguyên đơn đã cung cấp giấy mượn tiền ngày 16/7/2017 dương lịch (tức ngày 23/6/2017 âm lịch) thể hiện bà Q, ông T có mượn tiền của cụ Huỳnh Ngọc A, cụ Võ Thị Clà cha mẹ của nguyên đơn Huỳnh Thị Ngọc T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Ngọc S, ông Huỳnh Ngọc L, ông Huỳnh Ngọc T số tiền 60.000.000đồng. Tại bản khai ngày 22/6/2021 bà Q và ông T đều thừa nhận ngày 23/6/2017 âm lịch có mượn của cụ A, cụ C60.000.000đồng; tại biên bản lấy lời khai ngày 26/8/2021 và tại phiên tòa ông Võ Hồng T thừa nhận chữ ký trong giấy mượn tiền chính là của ông và mẹ ông tên Phạm Thị Q. Ông T là người nhận tiền do cụ Cđưa cho ông tại nhà cụ Chanh, có sự chứng kiến của bà Q. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự nên cần ghi nhận, giao dịch mượn tiền giữa cụ Huỳnh Ngọc A, cụ Võ Thị Cvới bà Phạm Thị Q, ông Võ Hồng T là có thật và hợp pháp, vì vậy sẽ làm phát S quyền và nghĩa vụ các bên.

Theo trình bày của ông Võ Hồng T thì ông đã trả lãi được một năm, hàng tháng trả lãi với số tiền 3.600.000đồng cho cụ Cnhưng ông không đưa ra được tài liệu chứng minh việc mình đã trả lãi và ông T cũng không có yêu cầu xem xét phần lãi đã trả. Đồng thời, bà Huỳnh Thị Ngọc T, ông Huỳnh Ngọc S, ông Huỳnh Ngọc L, ông Huỳnh Ngọc T thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ A, cụ Ckhông có yêu cầu giải quyết phần lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Bị đơn bà Phạm Thị Q và ông Võ Hồng T thừa nhận hiện chỉ còn nợ số tiền 40.000.000đồng. Để chứng minh chỉ còn nợ 40.000.000đồng, bà Phạm Thị Q và ông Võ Hồng T trình bày trong tháng 6/2020 bà T có làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc yêu cầu ông bà trả cho cụ A, cụ Csố tiền 60.000.000đồng nhưng hai bên đã thỏa thuận được việc trả nợ nên bà T rút đơn khởi kiện và sau đó ông T đã trả cho bà T được 20.000.000đồng. Ông T còn trình bày thêm số tiền 20.000.000đồng được trả làm bốn lần, mỗi lần 5.000.000đồng tại nhà bà T (ông trả 03 lần và vợ ông tên Nguyễn Thị Trà M trả 01 lần), cứ mỗi lần trả đều có ghi ngày tháng năm trả, số tiền trả và ký tên người trả phía sau giấy thỏa thuận nhưng ông T và bà Q không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh đã trả 20.000.000đồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án yêu cầu bà T cung cấp giấy thỏa thuận mà ông T cho rằng đã trả cho bà T được 20.000.000đồng của khoản nợ 60.000.000đồng nhưng bà T không thừa nhận có giấy thỏa thuận nào được lập giữa bà và ông T, bà M thể hiện việc ông T, bà M

đã trả cho bà 20.000.000đồng. Bà T chỉ thừa nhận giữa bà và vợ chồng ông T, bà M có lập tờ giấy hẹn trả nợ là mỗi tháng vợ chồng ông T, bà M trả 5.000.000đồng. Tuy nhiên, từ ngày lập giấy hẹn trả nợ thì vợ chồng ông T, bà M không trả đồng nào cho bà T nên bà đã xé bỏ giấy hẹn trả nợ và làm đơn khởi kiện lại. Như vậy, lời khai của bà Phạm Thị Q, ông Võ Hồng T không có cơ sở chấp nhận. Đối với lời trình bày của ông T cho rằng trong 04 lần trả tiền cho bà T thì vợ ông bà Nguyễn Thị Trà M có trả 01 lần với số tiền 5.000.000đồng nhưng Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà M nhiều lần để làm rõ nội dung này nhưng bà M không chấp hành theo giấy triệu tập. Do vậy, bà Huỳnh Thị Ngọc T, ông Huỳnh Ngọc S, ông Huỳnh Ngọc L, ông Huỳnh Ngọc T yêu cầu bà Phạm Thị Q, ông Võ Hồng T liên đới trả số tiền 60.000.000đồng cho cụ A và cụ Cdo bà T, ông S, ông L, ông T thuộc hàng thừa kế thứ nhất nhận là có căn cứ chấp nhận.

Vì vậy, căn cứ vào Điều 288, Điều 463, Điều 466 và Điều 651 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc T. Buộc bà Phạm Thị Q, ông Võ Hồng T phải có trách nhiệm liên đới trả cho cụ Huỳnh Ngọc A, cụ Võ Thị Csố tiền 60.000.000đồng do bà T, ông S, ông L, ông T thuộc hàng thừa kế thứ nhất nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của bà Huỳnh Thị Ngọc T, ông Huỳnh Ngọc S, ông Huỳnh Ngọc L, ông Huỳnh Ngọc T được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên bà Phạm Thị Q, ông Võ Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Huỳnh Thị Ngọc T, ông Huỳnh Ngọc S, ông Huỳnh Ngọc L, ông Huỳnh Ngọc T và bà Nguyễn Thị Trà M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 119, Điều 288, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 651 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 97, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 145, 146, 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

1/ Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ngọc T đối với bà Phạm Thị Q, ông Võ Hồng T.

Buộc bà Phạm Thị Q, ông Võ Hồng T có trách nhiệm liên đới trả cho cụ Huỳnh Ngọc A, cụ Võ Thị Csố tiền 60.000.000đồng (Sáu mươi triệu đồng) do bà Huỳnh Thị Ngọc T, ông Huỳnh Ngọc S, ông Huỳnh Ngọc L, ông Huỳnh Ngọc T thuộc hàng thừa kế thứ nhất nhận.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

2/ Về án phí:

Bà Phạm Thị Q, ông Võ Hồng T có trách nhiệm liên đới chịu 3.000.000đồng (Ba triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bà Huỳnh Thị Ngọc T, ông Huỳnh Ngọc S, ông Huỳnh Ngọc L, ông Huỳnh Ngọc T và bà Nguyễn Thị Trà M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Ngọc T số tiền tạm ứng án phí là 1.500.000đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001801 ngày 02/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

3/ Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24/12/2021), đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS H.H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Kim Hoa